

Số: 1165/QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2021 – 2022
cho sinh viên khóa 42 (3 lớp kỹ sư), 43, 44, 45 hệ đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nghị quyết số 815/NQ-ĐHDL-HĐT ngày 20/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đà Lạt ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Thông báo số 57/TB-ĐHDL ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Trường Đại học Đà Lạt về việc quy định mức học bổng khuyến khích học tập năm học 2021-2022 cho sinh viên hệ đào tạo chính quy;

Căn cứ Thông báo số 1216/TB-ĐHDL ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về tiêu chuẩn xét học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2021 - 2022 cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ II, năm học 2021 – 2022 của sinh viên;
Theo đề nghị của Trường phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2021 - 2022 cho 701 sinh viên khóa 42 (3 lớp kỹ sư), 43, 44, 45 hệ đào tạo chính quy chính quy có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Số tháng được cấp học bổng: 05 tháng.

Số tiền được cấp: 2,960,060,000 đồng.

(Bằng chữ: Hai tỷ chín trăm sáu mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)

Điều 3. Trường phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Trường phòng Tài chính, Trường các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, CT & CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021-2022**

(Kèm theo Quyết định số M65/QĐ-ĐHDL, ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt)

Ngân hàng: Vietcombank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú	
1	1812853	Nguyễn Thị Phương	Thủy	CTK42	3.63	92	157	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	1025177488	Vietcombank	
2	1812865	Trần Văn	Tứ	CTK42	3.29	90	147	Giỏi	990,000	4,950,000	1032457895	Vietcombank	
3	2011363	Đỗ Minh	Đăng	CTK44A	3.13	83	85	Khá	940,000	4,700,000	1016637880	Vietcombank	
4	2014478	Nguyễn Xuân	Phát	CTK44B	2.83	86	88	Khá	940,000	4,700,000	9346076548	Vietcombank	
5	2111818	Vũ Bá	Đông	CTK45A	3.59	92	45	Giỏi	990,000	4,950,000	1020465238	Vietcombank	
6	2115208	Lê Trung Hòa	Hiếu	CTK45A	3.55	80	45	Giỏi	990,000	4,950,000	1026446457	Vietcombank	
7	2111847	Phan Đình	Khôi	CTK45A	3.14	88	45	Khá	940,000	4,700,000	1026416780	Vietcombank	
8	2111886	Nguyễn Quốc	Thắng	CTK45A	2.88	88	48	Khá	940,000	4,700,000	0881000477141	Vietcombank	
9	2111896	Nguyễn Tân	Tiến	CTK45A	3.52	75	48	Khá	940,000	4,700,000	1026244574	Vietcombank	
10	2116976	Bùi Minh	Liên	CTK45B	3.36	80	45	Giỏi	990,000	4,950,000	1027197804	Vietcombank	
11	2115234	Nguyễn Thành	Long	CTK45B	2.95	72	42	Khá	940,000	4,700,000	1026142363	Vietcombank	
12	2115232	Nguyễn Đức Đại	Lộc	CTK45B	3.18	76	45	Khá	940,000	4,700,000	9918049676	Vietcombank	
13	2111875	Lê Viết Đăng	Quang	CTK45B	3.23	78	45	Khá	940,000	4,700,000	1020480410	Vietcombank	
14	2115260	Phan Thanh Thảo	Quyên	CTK45B	3.91	83	45	Giỏi	990,000	4,950,000	1025293669	Vietcombank	
15	2113016	Trương Minh	Quyên	CTK45B	3.58	82	42	Giỏi	990,000	4,950,000	9862887833	Vietcombank	
16	2115274	Nguyễn Xuân	Tiến	CTK45B	3.59	73	45	Khá	940,000	4,700,000	9376194205	Vietcombank	
17	2115278	Nguyễn Thái	Tinh	CTK45B	2.91	71	45	Khá	940,000	4,700,000	1026418355	Vietcombank	
18	1912581	Phạm Thuý	An	DLK43C	3.46	90	113	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000625250	Vietcombank	
19	1912977	Lê Thị Quỳnh	Như	DLK43B	3.33	90	115	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000625412	Vietcombank	
20	1913220	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	DLK43D	3.23	90	119	Giỏi	838,000	4,190,000	9813755519	Vietcombank	
21	1912968	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	DLK43D	3.20	90	121	Giỏi	838,000	4,190,000	0771000594762	Vietcombank	
22	1912786	Nguyễn Trần Quỳnh	Hương	DLK43B	3.20	85	118	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000630059	Vietcombank	
23	1910669	Võ Thị Thúy	Sinh	DLK43D	3.13	78	115	Khá	788,000	3,940,000	0751000054120	Vietcombank	
24	1914851	Đinh Nguyễn Bảo	Nguyễn	DLK43B	3.11	88	115	Khá	788,000	3,940,000	0281000601582	Vietcombank	
25	1913210	Phan Thị Huyền	Trình	DLK43C	3.09	79	111	Khá	788,000	3,940,000	1015332305	Vietcombank	
26	2011625	Trần Thị Hoàng	Giang	DLK44A	3.56	92	77	Giỏi	838,000	4,190,000	1051000278553	Vietcombank	
27	2011631	Dương Ngọc Thúy	Hà	DLK44A	3.38	84	80	Giỏi	838,000	4,190,000	9917543227	Vietcombank	
28	2012428	Vũ Thị Thúy	Hằng	DLK44A	3.38	87	77	Giỏi	838,000	4,190,000	1016638005	Vietcombank	
29	2011658	Nguyễn Hùng	Hưng	DLK44A	3.38	83	77	Giỏi	838,000	4,190,000	1027165946	Vietcombank	
30	2011724	Nguyễn Thanh Thảo	My	DLK44A	3.56	93	86	Giỏi	838,000	4,190,000	0581000801741	Vietcombank	



TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
31	2011769	Chu Trần Phát	DLK44A	3.38	76	77	Khá	788,000	3,940,000	1017232243	Vietcombank	
32	2011786	Vĩnh Bảo Bích Phượng	DLK44A	3.50	84	74	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000627352	Vietcombank	
33	2011789	Lê Nhật Quang	DLK44A	3.38	90	80	Giỏi	838,000	4,190,000	1013444616	Vietcombank	
34	2011792	Nguyễn Hoàng Nhã	DLK44A	3.38	85	80	Giỏi	838,000	4,190,000	9377908469	Vietcombank	
35	2011797	Võ Như Quỳnh	DLK44A	3.50	82	80	Giỏi	838,000	4,190,000	1016632214	Vietcombank	
36	2011922	Nguyễn Hoàng Phi Vũ	DLK44A	3.38	75	77	Khá	788,000	3,940,000	1016969595	Vietcombank	
37	2011605	Nguyễn Anh Đoan	DLK44B	3.50	90	77	Giỏi	838,000	4,190,000	1014272179	Vietcombank	
38	2011642	Trần Thị Thu Hằng	DLK44B	3.38	88	77	Giỏi	838,000	4,190,000	1021931969	Vietcombank	
39	2011656	Tăng Thị Hồng	DLK44B	3.50	88	80	Giỏi	838,000	4,190,000	1014645808	Vietcombank	
40	2011666	Đào Nguyễn Quốc Huy	DLK44B	3.31	96	77	Giỏi	838,000	4,190,000	1027169521	Vietcombank	
41	2011776	Hà Lê Hoàng Phước	DLK44B	3.31	92	77	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000609755	Vietcombank	
42	2012485	Trần Thị Thanh Thảo	DLK44B	3.50	89	77	Giỏi	838,000	4,190,000	1029358706	Vietcombank	
43	2011842	Trần Lê Vũ Thư	DLK44B	3.31	92	80	Giỏi	838,000	4,190,000	1028358656	Vietcombank	
44	2012501	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	DLK44B	3.31	94	80	Giỏi	838,000	4,190,000	0181003622258	Vietcombank	
45	2011896	Trần Văn Tú	DLK44B	3.50	87	80	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000628275	Vietcombank	
46	2011918	Phạm Thị Trà Vi	DLK44B	3.38	82	83	Giỏi	838,000	4,190,000	1015039483	Vietcombank	
47	2015699	Bùi Ánh Xuân	DLK44C	3.42	90	80	Giỏi	838,000	4,190,000	9919181934	Vietcombank	
48	2116282	Lê Ngọc Lan Anh	DLK45A	2.82	87	45	Khá	788,000	3,940,000	1017676778	Vietcombank	
49	2116283	Nguyễn Thị Kim Anh	DLK45A	3.00	87	45	Khá	788,000	3,940,000	1026344427	Vietcombank	
50	2112561	Phạm Nhật Khang	DLK45A	3.00	83	48	Khá	788,000	3,940,000	1026343177	Vietcombank	
51	2112611	Bùi Hoàng Nguyên Phúc	DLK45A	2.71	72	45	Khá	788,000	3,940,000	1026355601	Vietcombank	
52	2116835	Ngô Thùy Trang	DLK45A	3.53	87	45	Giỏi	838,000	4,190,000	9968784203	Vietcombank	
53	2116914	Phan Hồ Trúc Vy	DLK45A	3.39	91	51	Giỏi	838,000	4,190,000	1025263680	Vietcombank	
54	2112544	Trần Thúy Hà	DLK45B	3.00	75	48	Khá	788,000	3,940,000	1026346258	Vietcombank	
55	2116482	Hà Trung Kiên	DLK45B	3.30	84	48	Giỏi	838,000	4,190,000	1026347992	Vietcombank	
56	2116585	Bùi Thị Thúy Nga	DLK45B	3.15	78	48	Khá	788,000	3,940,000	1018059696	Vietcombank	
57	2112609	Trần Kim Bảo Phi	DLK45B	2.85	78	48	Khá	788,000	3,940,000	1026345000	Vietcombank	
58	2113251	Nguyễn Hoàng Nhật Thanh	DLK45B	3.00	88	48	Khá	788,000	3,940,000	1016818128	Vietcombank	
59	2112531	Võ Minh Châu	DLK45C	2.90	94	48	Khá	788,000	3,940,000	1018744028	Vietcombank	
60	2112545	Dương Võ Nhị Hạ	DLK45C	2.65	87	51	Khá	788,000	3,940,000	1026358503	Vietcombank	
61	2112622	Bùi Đặng Diễm Quỳnh	DLK45C	3.30	88	48	Giỏi	838,000	4,190,000	1022935910	Vietcombank	
62	2116744	Trương Quang Tấn	DLK45C	2.75	82	48	Khá	788,000	3,940,000	1019984505	Vietcombank	
63	2116786	Nguyễn Oanh Thuận	DLK45C	3.00	74	48	Khá	788,000	3,940,000	1026342459	Vietcombank	
64	2112656	Dương Hoàng Bảo Trâm	DLK45C	3.15	86	48	Khá	788,000	3,940,000	1026341329	Vietcombank	
65	2112672	Nguyễn Công Trình	DLK45C	3.43	90	42	Giỏi	838,000	4,190,000	9587095549	Vietcombank	
66	2112678	Hứa Thị Thanh Tuyền	DLK45C	3.05	82	48	Khá	788,000	3,940,000	1026342157	Vietcombank	
67	2116884	Võ Thùy Uyên	DLK45C	3.00	85	45	Khá	788,000	3,940,000	1021513088	Vietcombank	
68	2112696	Võ Lương Y	DLK45C	2.75	92	48	Khá	788,000	3,940,000	1025332514	Vietcombank	
69	1910169	Phạm Hồng Tâm	HHK43	3.21	87	123	Giỏi	990,000	4,950,000	9868969098	Vietcombank	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
70	2011330	Lê Mỹ Ngọc	Như	HHK44	2.64	86	79	Khá	940,000	4,700,000	0561000595006	Vietcombank
71	2111789	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	HHK45	3.24	92	46	Giỏi	990,000	4,950,000	1016634818	Vietcombank
72	1911761	Lê Huyền	Anh	KTK43	3.39	90	136	Giỏi	838,000	4,190,000	1015358881	Vietcombank
73	1911807	Trương Thị Mỹ	Liên	KTK43	3.23	86	133	Giỏi	838,000	4,190,000	1016918767	Vietcombank
74	1911852	Hoàng Thị Nhật	Quỳnh	KTK43	3.00	81	136	Khá	788,000	3,940,000	1016128714	Vietcombank
75	2012226	Võ Thị	Nga	KTK44A	3.00	75	84	Khá	788,000	3,940,000	9366751901	Vietcombank
76	2013963	Đỗ Thúy	Nhi	KTK44A	3.39	88	90	Giỏi	838,000	4,190,000	1014614861	Vietcombank
77	2010961	Phạm Thị	Quyên	KTK44A	3.26	94	93	Giỏi	838,000	4,190,000	9342635639	Vietcombank
78	2010982	Trần Thụy Thủy	Tiên	KTK44A	3.17	78	87	Khá	788,000	3,940,000	1014806436	Vietcombank
79	2011000	Trần Bá Lâm	Viên	KTK44A	3.39	82	93	Giỏi	838,000	4,190,000	9941516069	Vietcombank
80	2111472	Nguyễn Đỗ Khánh	Linh	KTK45A	3.00	71	41	Khá	788,000	3,940,000	1026276612	Vietcombank
81	2114433	Nguyễn Thị Họa	My	KTK45A	3.29	76	41	Khá	788,000	3,940,000	1025851572	Vietcombank
82	2114443	Đinh Khải	Nguyễn	KTK45A	2.50	71	38	Khá	788,000	3,940,000	0561000612149	Vietcombank
83	2111501	Nguyễn Ngọc Phương	Tâm	KTK45A	3.29	76	41	Khá	788,000	3,940,000	1030974647	Vietcombank
84	2111521	Nguyễn Hoàng Nhật	Uyên	KTK45A	3.12	71	41	Khá	788,000	3,940,000	1029406597	Vietcombank
85	2116986	Nguyễn Nữ Thu	Huyền	KTK45B	3.29	80	41	Giỏi	838,000	4,190,000	1029172317	Vietcombank
86	2114429	Phạm Thị Thu	Mai	KTK45B	2.65	74	41	Khá	788,000	3,940,000	9522189699	Vietcombank
87	2111519	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	KTK45B	2.82	71	41	Khá	788,000	3,940,000	1026276823	Vietcombank
88	1910299	Phan Thị Trà	Giang	QTK43A	3.88	98	137	Xuất sắc	888,000	4,440,000	0561000619130	Vietcombank
89	1910343	Trần Thị Diễm	Quỳnh	QTK43A	3.00	85	125	Khá	788,000	3,940,000	1024995616	Vietcombank
90	1914778	Nguyễn Long	Vũ	QTK43A	3.14	83	134	Khá	788,000	3,940,000	1021354003	Vietcombank
91	1910291	Võ Thị Thanh	Bình	QTK43B	3.13	86	128	Khá	788,000	3,940,000	9964752750	Vietcombank
92	1914847	Đặng Thị Thùy	Dùng	QTK43B	3.20	81	131	Giỏi	838,000	4,190,000	1012956214	Vietcombank
93	1911731	Trần Thị Phương	Uyên	QTK43B	3.38	88	131	Giỏi	838,000	4,190,000	1030910475	Vietcombank
94	1911511	Lê Thị Mỹ	Huyền	QTK43C	3.25	84	134	Giỏi	838,000	4,190,000	1022344912	Vietcombank
95	1914910	Võ Nguyễn Quang	Nhật	QTK43C	3.29	82	128	Giỏi	838,000	4,190,000	1020189216	Vietcombank
96	1910349	Nguyễn Thị Thu	Thảo	QTK43C	3.00	78	134	Khá	788,000	3,940,000	0561000628989	Vietcombank
97	1910384	Trần Thị Thảo	Vy	QTK43C	3.14	78	131	Khá	788,000	3,940,000	0561000615602	Vietcombank
98	2010621	Võ Thị Quỳnh	Anh	QTK44A	2.96	73	86	Khá	788,000	3,940,000	9912804591	Vietcombank
99	2010663	Đặng Vũ Mai	Hiên	QTK44A	3.00	88	89	Khá	788,000	3,940,000	1015010532	Vietcombank
100	2010708	Trần Bảo Nhật	Linh	QTK44A	3.00	80	89	Khá	788,000	3,940,000	9398471367	Vietcombank
101	2010755	Trần Đắc Trí	Nhân	QTK44A	3.46	80	95	Giỏi	838,000	4,190,000	1014998073	Vietcombank
102	2010758	Trần Vũ Quang	Nhật	QTK44A	3.00	88	83	Khá	788,000	3,940,000	9564816147	Vietcombank
103	2010849	Hoàng Lê Hoài	Trang	QTK44A	3.61	90	86	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1014395370	Vietcombank
104	2010861	Trang Đoàn Minh	Trí	QTK44B	3.04	88	86	Khá	788,000	3,940,000	1025011306	Vietcombank
105	2013722	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	QTK44C	3.26	83	86	Giỏi	838,000	4,190,000	1014809531	Vietcombank
106	2010847	Vũ Hồng Ngọc	Trần	QTK44CLC	3.04	82	86	Khá	788,000	3,940,000	1016538354	Vietcombank
107	2010877	Nguyễn Đoàn Bảo	Uyên	QTK44CLC	3.87	90	86	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1014385262	Vietcombank
108	2015799	Đào An Bảo	Nhung	QTK44D	3.04	83	86	Khá	788,000	3,940,000	1021355127	Vietcombank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
109	2013813	Nguyễn Thị Bích	Thị	QTK44D	3.13	84	89	Khá	788,000	3,940,000	1014589434	Vietcombank
110	2013833	Ngô Thị	Thúy	QTK44D	3.13	86	86	Khá	788,000	3,940,000	1016916831	Vietcombank
111	2015703	Trần Minh	Tiến	QTK44D	3.00	85	86	Khá	788,000	3,940,000	1014382917	Vietcombank
112	2113821	Huỳnh Hương Châu	Giang	QTK45A	2.82	81	41	Khá	788,000	3,940,000	1026307465	Vietcombank
113	2111291	Lê Thị Hồng	Phấn	QTK45A	2.65	70	41	Khá	788,000	3,940,000	1016673587	Vietcombank
114	2114113	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	QTK45A	2.95	82	44	Khá	788,000	3,940,000	1016673763	Vietcombank
115	2111322	Trần Hoàng Thi	Thảo	QTK45A	3.29	90	41	Giỏi	838,000	4,190,000	1028638852	Vietcombank
116	2112779	Nguyễn Văn	Hà	QTK45B	3.12	80	41	Khá	788,000	3,940,000	1026291362	Vietcombank
117	2111194	Trần Ngọc	Hiếu	QTK45B	2.82	77	41	Khá	788,000	3,940,000	1025330306	Vietcombank
118	2111196	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	QTK45B	2.82	71	41	Khá	788,000	3,940,000	1017917302	Vietcombank
119	2111318	Võ Thị Thu	Thanh	QTK45B	2.85	80	44	Khá	788,000	3,940,000	1017911869	Vietcombank
120	2114258	Lê Dương Tường	Vy	QTK45B	2.59	79	41	Khá	788,000	3,940,000	1024990277	Vietcombank
121	2112802	Nguyễn Nguyên Hồng	Phúc	QTK45C	2.65	80	41	Khá	788,000	3,940,000	1026334887	Vietcombank
122	2111305	Phạm Nguyễn Thục	Quyên	QTK45C	3.18	84	41	Khá	788,000	3,940,000	1024040669	Vietcombank
123	2111312	Lê Thị Mỹ	Tâm	QTK45C	3.00	84	41	Khá	788,000	3,940,000	1016673851	Vietcombank
124	2113887	Phạm Trương Đức	Huy	QTK45D	2.65	80	41	Khá	788,000	3,940,000	1025496011	Vietcombank
125	2110110	Nguyễn Trần Hoàng	Khanh	QTK45D	2.53	75	41	Khá	788,000	3,940,000	1032855238	Vietcombank
126	2114274	Đỗ Nguyễn Quỳnh	An	TCK45	2.93	83	38	Khá	788,000	3,940,000	1028623561	Vietcombank
127	2111397	Nguyễn Thị Minh	Diệp	TCK45	3.00	82	38	Khá	788,000	3,940,000	1020459703	Vietcombank
128	2111399	Trần Thị Thùy	Dung	TCK45	3.14	83	35	Khá	788,000	3,940,000	1017894603	Vietcombank
129	2114288	Lê Thị Khánh	Giang	TCK45	3.14	82	38	Khá	788,000	3,940,000	1031931574	Vietcombank
130	2111407	Đỗ Mỹ	Linh	TCK45	3.00	82	38	Khá	788,000	3,940,000	1026285557	Vietcombank
131	2111411	Cù Thị Huỳnh	My	TCK45	3.45	88	35	Giỏi	838,000	4,190,000	1017905731	Vietcombank
132	2114313	Đỗ Hạ	Ngân	TCK45	3.00	82	32	Khá	788,000	3,940,000	1026298226	Vietcombank
133	2114317	Nguyễn Hoàng Xuân	Nhi	TCK45	2.79	82	38	Khá	788,000	3,940,000	1020438456	Vietcombank
134	2114348	Huỳnh Thị Vũ	Uyên	TCK45	2.79	82	38	Khá	788,000	3,940,000	1026181793	Vietcombank
135	1910473	Trần Xuân	Lộc	LHK43A	4.00	92	129	Xuất sắc	888,000	4,440,000	0561000625911	Vietcombank
136	1912248	Nguyễn Thị Kim	Phụng	LHK43A	3.70	90	124	Xuất sắc	888,000	4,440,000	9784255870	Vietcombank
137	1912255	Huỳnh Yến	Phương	LHK43A	3.83	90	125	Xuất sắc	888,000	4,440,000	0561000625649	Vietcombank
138	1910447	Trần Ngọc	Đức	LHK43B	3.70	86	125	Giỏi	838,000	4,190,000	0121000803951	Vietcombank
139	1912176	Nguyễn Thị Thúy	Nga	LHK43B	3.70	90	129	Xuất sắc	888,000	4,440,000	0561000625785	Vietcombank
140	1912015	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	LHK43C	3.87	85	125	Giỏi	838,000	4,190,000	0481000903652	Vietcombank
141	2014019	Mai Ngọc Hoàng	An	LHK44A	3.38	89	85	Giỏi	838,000	4,190,000	1016235776	Vietcombank
142	2011073	Võ Thị Thanh	Huệ	LHK44A	3.89	90	80	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1014177620	Vietcombank
143	2011117	Trần Thị Ngọc	Ngân	LHK44A	3.89	92	85	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1016118571	Vietcombank
144	2014345	Trần Thị Huyền	Trang	LHK44A	3.56	92	85	Giỏi	838,000	4,190,000	1014865371	Vietcombank
145	2011222	Văn Thị Hồng	Út	LHK44A	3.78	88	82	Giỏi	838,000	4,190,000	1025012536	Vietcombank
146	2011105	Trần Thị Phương	Mai	LHK44B	3.32	92	81	Giỏi	838,000	4,190,000	1025018546	Vietcombank
147	2011135	Phan Võ Quỳnh	Như	LHK44B	3.32	90	85	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000623866	Vietcombank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
148	2011156	Lũì Ngọc Phương	Quỳnh	LHK44B	3.56	90	80	Giỏi	838,000	4,190,000	1023050709	Vietcombank
149	2011190	Võ Thị Bích	Thuận	LHK44B	3.39	90	82	Giỏi	838,000	4,190,000	1014383537	Vietcombank
150	2111543	Trần Thị Lan	Anh	LHK45A	3.21	85	37	Giỏi	838,000	4,190,000	1020113549	Vietcombank
151	2111549	Lê Ngọc Thảo	Chi	LHK45B	3.79	85	37	Giỏi	838,000	4,190,000	1029098571	Vietcombank
152	2111602	Nguyễn Lê Đăng	Khôi	LHK45B	3.35	84	40	Giỏi	838,000	4,190,000	1029172340	Vietcombank
153	2111631	Nguyễn Kim	Ngân	LHK45B	3.71	97	40	Xuất sắc	888,000	4,440,000	9948021645	Vietcombank
154	2111536	Lê Phan Minh	Anh	LHK45C	3.36	80	37	Giỏi	838,000	4,190,000	1025935537	Vietcombank
155	2111610	Hồ Thị Khánh	Linh	LHK45C	3.35	83	40	Giỏi	838,000	4,190,000	1026316440	Vietcombank
156	2111580	Hoàng Thúy	Hiền	LHK45D	3.29	90	40	Giỏi	838,000	4,190,000	1016676042	Vietcombank
157	2111596	Thái Thị Mỹ	Huyền	LHK45D	3.31	80	39	Giỏi	838,000	4,190,000	1013356299	Vietcombank
158	2112886	Châu Sông	Hương	LHK45D	3.31	74	39	Khá	788,000	3,940,000	1020684098	Vietcombank
159	2114917	Phạm Nguyễn Yến	Phương	LHK45D	3.21	72	37	Khá	788,000	3,940,000	1026082803	Vietcombank
160	2112931	Lâm Thị Thúy	Trang	LHK45D	3.13	81	39	Khá	788,000	3,940,000	1020898468	Vietcombank
161	2111711	Nguyễn Lâm	Triều	LHK45D	3.60	98	43	Xuất sắc	888,000	4,440,000	9343823169	Vietcombank
162	2111724	Nguyễn Lê Trung	Vĩnh	LHK45D	3.16	92	42	Khá	788,000	3,940,000	1026314375	Vietcombank
163	1914172	Trương Đình Thiên	Hoàng	AVK43A	3.50	90	129	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000625417	Vietcombank
164	1914226	Nguyễn Hồng Nhật	Linh	AVK43A	3.00	87	121	Khá	788,000	3,940,000	0561000615636	Vietcombank
165	1911004	Phạm Hoàn Kim	Ngân	AVK43A	3.00	90	127	Khá	788,000	3,940,000	1021391423	Vietcombank
166	1914273	Trần Đặng Thảo	Nguyên	AVK43A	2.80	88	134	Khá	788,000	3,940,000	1032380027	Vietcombank
167	1914347	Nguyễn Thị	Thanh	AVK43A	2.80	86	133	Khá	788,000	3,940,000	1026194609	Vietcombank
168	1911023	Trần Thị Huyền	Nhung	AVK43B	3.00	86	129	Khá	788,000	3,940,000	0561000623734	Vietcombank
169	1914259	Phạm Thị Tuyết	Ngân	AVK43D	3.00	70	124	Khá	788,000	3,940,000	1028923242	Vietcombank
170	1911039	Trần Phương	Thảo	AVK43E	3.00	81	129	Khá	788,000	3,940,000	0561000538205	Vietcombank
171	1910953	Trần Thụy Hoàng	Anh	AVK43F	3.00	86	135	Khá	788,000	3,940,000	0561000615115	Vietcombank
172	1914228	Phạm Thị Mỹ	Linh	AVK43F	3.33	86	136	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000628702	Vietcombank
173	1914921	Đặng Thanh	Nhi	AVK43F	2.83	81	136	Khá	788,000	3,940,000	1022871134	Vietcombank
174	2010217	Mông Thị Dương	Thùy	AVK44A	3.19	88	97	Khá	788,000	3,940,000	1016098034	Vietcombank
175	2010100	Lương Quế	Hân	AVK44B	2.88	84	97	Khá	788,000	3,940,000	1019610534	Vietcombank
176	2010135	Lê Thị Mỹ	Lan	AVK44B	2.73	81	97	Khá	788,000	3,940,000	1025563312	Vietcombank
177	2010240	Ngô Thị Nhật	Uyên	AVK44B	2.92	85	97	Khá	788,000	3,940,000	9355767039	Vietcombank
178	2015714	Phạm Nhật	Tân	AVK44D	3.12	80	97	Khá	788,000	3,940,000	1021350533	Vietcombank
179	2015725	Đỗ Phương	Uyên	AVK44D	3.27	83	96	Giỏi	838,000	4,190,000	1015010852	Vietcombank
180	2013003	Trần Thanh	Bình	AVK44E	3.00	84	94	Khá	788,000	3,940,000	0581000801742	Vietcombank
181	2013033	Võ Thị Xuân	Duyên	AVK44E	2.78	78	94	Khá	788,000	3,940,000	0561000605458	Vietcombank
182	2015712	Nguyễn Thủy Quỳnh	Giao	AVK44E	2.65	74	94	Khá	788,000	3,940,000	1014771781	Vietcombank
183	2013083	Đỗ Minh	Nguyên	AVK44E	3.17	86	94	Khá	788,000	3,940,000	1020428488	Vietcombank
184	2015706	Lê Nguyễn Thanh	Nhã	AVK44F	3.52	88	94	Giỏi	838,000	4,190,000	1016614342	Vietcombank
185	2015345	Nguyễn Thị Ái	Thương	AVK44F	2.65	88	96	Khá	788,000	3,940,000	1014431454	Vietcombank
186	2115587	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	AVK45A	2.71	84	46	Khá	788,000	3,940,000	1026465117	Vietcombank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
187	2115625	Nguyễn Thị Trâm	AVK45A	3.14	83	46	Khá	788,000	3,940,000	1026453887	Vietcombank	
188	2112123	Trần Nguyễn Ngọc Quỳnh	AVK45B	2.86	82	46	Khá	788,000	3,940,000	1020470290	Vietcombank	
189	2115359	Nguyễn Hồng Anh	AVK45C	2.83	86	43	Khá	788,000	3,940,000	1020435100	Vietcombank	
190	2112188	Phan Hải Yến	AVK45C	2.83	78	43	Khá	788,000	3,940,000	1026467261	Vietcombank	
191	2112173	Nguyễn Hoàng Kim Uyên	AVK45D	3.00	94	46	Khá	788,000	3,940,000	9327535146	Vietcombank	
192	2112015	Nguyễn Đức Duy	AVK45E	2.83	75	43	Khá	788,000	3,940,000	1012481918	Vietcombank	
193	2112038	Nguyễn Minh Phương	AVK45E	2.67	80	43	Khá	788,000	3,940,000	1026434626	Vietcombank	
194	2112152	Lương Quế Trân	AVK45E	3.29	87	46	Giỏi	838,000	4,190,000	1026495195	Vietcombank	
195	2115385	Trần Hoàng Danh	AVK45F	2.86	82	46	Khá	788,000	3,940,000	1026169193	Vietcombank	
196	2112075	Trần Thanh Ngân	AVK45F	2.86	82	46	Khá	788,000	3,940,000	1016630395	Vietcombank	
197	2113114	Nguyễn Tường Lâm	AVK45F	3.14	72	46	Khá	788,000	3,940,000	1025568751	Vietcombank	
198	2113099	Cao Phạm Bảo Nghi	AVK45G	3.14	76	46	Khá	788,000	3,940,000	1024232356	Vietcombank	
199	2112180	Lê Nguyễn Song Vy	AVK45G	3.00	78	46	Khá	788,000	3,940,000	1015626611	Vietcombank	
200	2115692	Phan Văn Đạt	LSK45	3.43	82	39	Giỏi	838,000	4,190,000	9866984627	Vietcombank	
201	2112197	Mai Trần Khánh Ninh	NVK45	3.81	94	41	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1016637432	Vietcombank	
202	2111952	Nguyễn Ngọc Thật	CHK45	3.30	87	44	Giỏi	990,000	4,950,000	9962998709	Vietcombank	
203	1911370	Trần Hữu Quốc Chí	NHK43	3.50	94	137	Giỏi	838,000	4,190,000	1021030804	Vietcombank	
204	2014533	Trương Việt Hoàng	NHK44	2.65	75	82	Khá	788,000	3,940,000	1017221039	Vietcombank	
205	2111954	Nguyễn Thị Hoàng Anh	NHK45	2.57	82	47	Khá	788,000	3,940,000	1016923499	Vietcombank	
206	2115335	Hoàng Phương Quỳnh	NHK45	3.17	80	47	Khá	788,000	3,940,000	1021983604	Vietcombank	
207	1913589	Lê Thị Hương	DPK43HQA	4.00	80	121	Giỏi	838,000	4,190,000	0201000719466	Vietcombank	
208	1914811	Vũ Thị Diệu Linh	DPK43HQA	4.00	80	121	Giỏi	838,000	4,190,000	0081001283306	Vietcombank	
209	1914758	Vòng Phòng	DPK43HQA	3.81	81	118	Giỏi	838,000	4,190,000	1013227181	Vietcombank	
210	1910744	Lê Thị Lan Anh	DPK43HQB	4.00	85	112	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000604244	Vietcombank	
211	1913500	Lê Thị Hồng Duyên	DPK43HQB	4.00	81	118	Giỏi	838,000	4,190,000	1029782403	Vietcombank	
212	1913511	Lê Thị Hà Giang	DPK43HQB	4.00	85	121	Giỏi	838,000	4,190,000	0201000709961	Vietcombank	
213	1913617	Nguyễn Thị Phương Kiều	DPK43HQB	4.00	85	121	Giỏi	838,000	4,190,000	1016918821	Vietcombank	
214	1910823	Nguyễn Thị Như Ngọc	DPK43HQB	4.00	91	115	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1019575022	Vietcombank	
215	1910833	Bùi Thị Nhàn	DPK43HQB	3.63	81	121	Giỏi	838,000	4,190,000	1015236234	Vietcombank	
216	1910844	Phạm Thị Hồng Nhung	DPK43HQB	4.00	92	118	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1012671707	Vietcombank	
217	1913868	Đỗ Phương Thảo	DPK43HQB	4.00	82	121	Giỏi	838,000	4,190,000	9947997817	Vietcombank	
218	1910891	Lê Mỹ Tiên	DPK43HQB	4.00	85	118	Giỏi	838,000	4,190,000	1016937999	Vietcombank	
219	1913935	Phạm Dương Khánh Trân	DPK43HQB	4.00	81	121	Giỏi	838,000	4,190,000	1022310294	Vietcombank	
220	1913785	Võ Hằng Ninh	DPK43HQC	4.00	92	118	Xuất sắc	888,000	4,440,000	0641000038031	Vietcombank	
221	1913780	Bùi Minh Nhựt	DPK43NB	3.37	90	127	Giỏi	838,000	4,190,000	0561000615244	Vietcombank	
222	2010354	Trương Thị Khánh Hằng	DPK44HQA	3.54	79	81	Khá	788,000	3,940,000	9857128269	Vietcombank	
223	2010385	Lục Thu Huyền	DPK44HQA	3.38	81	84	Giỏi	838,000	4,190,000	1016038226	Vietcombank	
224	2010340	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	DPK44HQA	3.38	90	81	Giỏi	838,000	4,190,000	1017239239	Vietcombank	
225	2010316	Trần Nguyễn Phương Anh	DPK44HQB	3.31	86	84	Giỏi	838,000	4,190,000	1032560563	Vietcombank	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
226	2013499	Nguyễn Thị Bích Trâm	DPK44HQB	3.54	88	81	Giỏi	838,000	4,190,000	1015004182	Vietcombank	
227	2012047	Đinh Cẩm	DPK44NB	3.69	75	78	Khá	788,000	3,940,000	1016619574	Vietcombank	
228	2010405	Nguyễn Thị Phương Linh	DPK44NB	3.38	90	87	Giỏi	838,000	4,190,000	9988961709	Vietcombank	
229	2013407	Nguyễn Thị Phương Nhi	DPK44NB	3.54	69	87	Khá	788,000	3,940,000	1017176636	Vietcombank	
230	2013438	Nguyễn Thị Quỳnh	DPK44NB	3.54	67	84	Khá	788,000	3,940,000	1017151812	Vietcombank	
231	2010489	Lê Tuấn Tài	DPK44NB	3.54	67	84	Khá	788,000	3,940,000	1014998025	Vietcombank	
232	2112376	Hồ Thị Thanh Thảo	DPK45HQA	3.25	85	35	Giỏi	838,000	4,190,000	1026084085	Vietcombank	
233	2112421	Lê Nguyễn Phương Uyên	DPK45HQA	3.40	90	38	Giỏi	838,000	4,190,000	1018060409	Vietcombank	
234	2115808	Phạm Đoàn Văn Anh	DPK45HQB	3.75	94	35	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1026377776	Vietcombank	
235	2112272	Đặng Thị Hà	DPK45HQB	3.25	82	35	Giỏi	838,000	4,190,000	1026376098	Vietcombank	
236	2115881	Nguyễn Ngọc Hiền	DPK45HQB	3.50	88	35	Giỏi	838,000	4,190,000	0071000974649	Vietcombank	
237	2112335	Nguyễn Bảo Ngọc	DPK45HQB	3.25	83	35	Giỏi	838,000	4,190,000	1026377361	Vietcombank	
238	2112339	Nguyễn Hạnh Nguyên	DPK45HQB	4.00	94	35	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1022935945	Vietcombank	
239	2116018	Trần Thị Hoài Phương	DPK45HQB	3.75	84	35	Giỏi	838,000	4,190,000	1026374676	Vietcombank	
240	2112384	Chu Thị Hoài Thu	DPK45HQB	3.25	82	35	Giỏi	838,000	4,190,000	9832825747	Vietcombank	
241	2116087	Phạm Thị Trang	DPK45HQB	3.50	90	35	Giỏi	838,000	4,190,000	1017415009	Vietcombank	
242	2112261	Lê Nguyễn Phát Đạt	DPK45NB	3.40	86	38	Giỏi	838,000	4,190,000	1016680678	Vietcombank	
243	2112300	Nguyễn Thị Dạ Khuê	DPK45NB	3.40	78	38	Khá	788,000	3,940,000	1020746724	Vietcombank	
244	2112351	Ninh Mỹ Yến Nhi	DPK45NB	3.60	83	38	Giỏi	838,000	4,190,000	1015885617	Vietcombank	
245	1910940	Đỗ Thị Minh Châu	QHK43	3.86	90	120	Xuất sắc	888,000	4,440,000	0451000466678	Vietcombank	
246	2115787	Lê Nguyễn Quỳnh Như	QHK45	3.00	79	36	Khá	788,000	3,940,000	1032424196	Vietcombank	
247	1911275	Châu Thị Ngọc Duyên	CSK43	4.00	98	125	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	0561000627276	Vietcombank	
248	1911273	Đỗ Văn Dương	CSK43	4.00	94	119	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	0561000625814	Vietcombank	
249	2011271	Trà Thị Mỹ Linh	CSK44	3.45	92	83	Giỏi	990,000	4,950,000	1014101339	Vietcombank	
250	2116968	Lê Trúc Linh	CSK45	4.00	90	38	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	1023194159	Vietcombank	
251	2111763	Ca Kim Diễm Quỳnh	CSK45	3.35	80	38	Giỏi	990,000	4,950,000	1020419087	Vietcombank	
252	1914791	Trần Khánh Dung	AVK43SP	3.17	85	136	Khá	788,000	3,940,000	0561000624351	Vietcombank	
253	1911075	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	AVK43SP	3.19	88	137	Khá	788,000	3,940,000	0561000623784	Vietcombank	
254	2010046	Hoàng Quỳnh Mai	AVK44SPA	3.64	90	98	Xuất sắc	888,000	4,440,000	0561000560333	Vietcombank	
255	2010053	Trần Bảo Hạnh Nhung	AVK44SPA	3.18	80	98	Khá	788,000	3,940,000	1016637706	Vietcombank	
256	2010054	Nguyễn Thành Phát	AVK44SPA	3.59	92	98	Giỏi	838,000	4,190,000	1014647169	Vietcombank	
257	2113654	Nguyễn Hoàng Khánh Băng	AVK45SPA	3.71	82	49	Giỏi	838,000	4,190,000	1023684479	Vietcombank	
258	2113687	Huỳnh Ngọc Nhật Tân	AVK45SPA	3.71	81	49	Giỏi	838,000	4,190,000	1023979890	Vietcombank	
259	2113712	Bùi Thoại Yến Vy	AVK45SPA	3.57	84	49	Giỏi	838,000	4,190,000	1023960850	Vietcombank	
260	2111131	Phạm Quỳnh Anh	AVK45SPB	3.71	92	49	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1023504903	Vietcombank	
261	1914529	Nguyễn Ngọc Phương Đan	GTK43SP	3.17	79	114	Khá	788,000	3,940,000	1021124412	Vietcombank	
262	2012655	Nguyễn Thị Loan	GTK44SPA	3.00	85	77	Khá	788,000	3,940,000	1016918366	Vietcombank	
263	2010004	Nguyễn Bùi Phương My	GTK44SPA	3.38	94	76	Giỏi	838,000	4,190,000	1025232738	Vietcombank	
264	2012643	Nguyễn Diễm Huyền	GTK44SPB	3.19	80	77	Khá	788,000	3,940,000	9329827057	Vietcombank	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú	
265	2015761	Phạm Thị Thanh	Huyền	GTK44SPB	3.13	80	77	Khá	788,000	3,940,000	9342623327	Vietcombank	
266	2111003	Trần Thị Ngọc	Anh	GTK45SPA	3.83	90	40	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1016638624	Vietcombank	
267	2111007	Bùi Thị	Hiền	GTK45SPA	3.33	92	40	Giỏi	838,000	4,190,000	1017261396	Vietcombank	
268	2113401	Krä Zăn Dương Hồng	Tuyết	GTK45SPA	3.50	83	40	Giỏi	838,000	4,190,000	1017162986	Vietcombank	
269	2113410	Mai Huyền	Vy	GTK45SPB	3.67	85	40	Giỏi	838,000	4,190,000	1016598352	Vietcombank	
270	2111097	Cơ Liêng K'	Gel	HHK45SP	3.82	90	42	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1021739444	Vietcombank	
271	2113533	Lê Hoàng	Vũ	HHK45SP	3.60	72	45	Khá	788,000	3,940,000	1023931703	Vietcombank	
272	2113598	Phùng Văn	Hoàn	LSK45SP	3.16	88	47	Khá	788,000	3,940,000	9385378965	Vietcombank	
273	2113618	Phạm Thị Ánh	Như	LSK45SP	3.11	88	47	Khá	788,000	3,940,000	1016900331	Vietcombank	
274	1912500	Nguyễn Duy	Sinh	NVK43SP	3.83	92	131	Xuất sắc	888,000	4,440,000	9927312077	Vietcombank	
275	2111121	Lê Hoàng	My	NVK45SP	3.32	85	41	Giỏi	838,000	4,190,000	9328986638	Vietcombank	
276	2113539	Hà Hoàng	Dung	SHK45SP	3.35	90	47	Giỏi	838,000	4,190,000	9979479428	Vietcombank	
277	1910103	Lê Minh	Diệu	TNK43SP	3.62	92	98	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1012745701	Vietcombank	
278	1911099	Lưu Văn	Khoa	TNK43SP	3.65	94	127	Xuất sắc	888,000	4,440,000	0561000625398	Vietcombank	
279	2010018	Trịnh Thị Quỳnh	Hoa	TNK44SP	2.71	80	81	Khá	788,000	3,940,000	1015003399	Vietcombank	
280	2111054	Nguyễn Trần Khánh	Hoài	TNK45SP	3.20	90	43	Giỏi	838,000	4,190,000	1018069700	Vietcombank	
281	2113440	Lê Mai Yến	Nhi	TNK45SP	3.20	88	43	Giỏi	838,000	4,190,000	1023994133	Vietcombank	
282	2112756	Trần Nguyễn Hạ	Uyên	TNK45SP	2.87	80	41	Khá	788,000	3,940,000	1023523374	Vietcombank	
283	2115179	Nguyễn Văn	Dũng	KLK45	3.17	86	52	Khá	940,000	4,700,000	1026542952	Vietcombank	
284	2011345	Trần Đạt	Tín	TNK44	4.00	92	74	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	9971619609	Vietcombank	
285	2115157	Ngô Quang	Hải	VLK45	2.72	80	45	Khá	940,000	4,700,000	9378955595	Vietcombank	
286	1812886	Phan Công	Danh	VTK42	2.76	88	126	Khá	940,000	4,700,000	9329124773	Vietcombank	
287	2014568	Nguyễn Thị	Mai	CPK44	3.22	90	81	Giỏi	838,000	4,190,000	1023038849	Vietcombank	
288	2011546	Nguyễn Thị	Nguyên	CPK44	3.22	90	81	Giỏi	838,000	4,190,000	1032414727	Vietcombank	
289	2112497	Lê Văn	Đạt	CPK45	3.47	83	41	Giỏi	838,000	4,190,000	1022783360	Vietcombank	
290	2112508	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trân	CPK45	3.12	80	42	Khá	788,000	3,940,000	9911310515	Vietcombank	
291	2115764	Ka Diễm	Quỳnh	XHK45	3.50	85	43	Giỏi	838,000	4,190,000	1021735721	Vietcombank	

Tổng cộng: 1,214,590,000

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021-2022**

(Kèm theo Quyết định số 1165/QĐ-ĐHDL, ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt)

Ngân hàng: Agribank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
1	1812756	Nguyễn Trọng Hiếu	CTK42	4.00	96	160	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5400205430236	Agribank	
2	1812751	Nguyễn Thị Hà	CTK42	3.86	92	160	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5400205431399	Agribank	
3	1812790	Nguyễn Khánh Linh	CTK42	3.43	92	161	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205430288	Agribank	
4	1812843	Đặng Ngọc Thạch	CTK42	3.43	90	157	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205431143	Agribank	
5	1812859	Nguyễn Thị Thùy Trang	CTK42	3.29	92	144	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205431540	Agribank	
6	1812828	Võ Thị Thủy Phương	CTK42	3.29	90	160	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205430321	Agribank	
7	1910115	Lưu Nguyễn Văn Anh	CTK43	3.71	80	131	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205482138	Agribank	
8	1911136	Nguyễn Việt Duy Danh	CTK43	3.50	94	125	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205498990	Agribank	
9	1914775	Đinh Trọng Đạt	CTK43	3.71	90	128	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5601205170075	Agribank	
10	1914745	Cao Dương Sơn Hiếu	CTK43	3.83	81	128	Giỏi	990,000	4,950,000	5404205455496	Agribank	
11	1910127	Nhữ Văn Hữu	CTK43	3.83	90	128	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5614205078171	Agribank	
12	1911158	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	CTK43	3.83	90	125	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5400205498903	Agribank	
13	1911164	Võ Đình Hoàng Long	CTK43	3.83	83	125	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205488049	Agribank	
14	1911166	Võ Công Lý	CTK43	3.67	90	125	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5409205118991	Agribank	
15	1911183	Dương Thanh Phẩm	CTK43	3.67	92	92	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5405205258329	Agribank	
16	1911205	Nguyễn Hữu Đức Thanh	CTK43	3.50	91	125	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205487647	Agribank	
17	2012353	Đoàn Cao Nhật Hạ	CTK44A	2.91	92	88	Khá	940,000	4,700,000	5403205107522	Agribank	
18	2011379	Triệu Trọng Hậu	CTK44A	3.09	85	88	Khá	940,000	4,700,000	4602220016385	Agribank	
19	2011401	Trần Bảo Lâm	CTK44A	3.65	94	85	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5406205271387	Agribank	
20	2012386	Vũ Thị Huyền Trang	CTK44A	2.65	86	85	Khá	940,000	4,700,000	5408205281638	Agribank	
21	2012394	Nguyễn Quang Vũ	CTK44A	3.00	83	85	Khá	940,000	4,700,000	5400281002537	Agribank	
22	2012395	Nguyễn Hữu Trọng Vỹ	CTK44A	3.04	90	85	Khá	940,000	4,700,000	5404205477056	Agribank	
23	2111845	Nguyễn Bảo Khanh	CTK45A	3.63	90	39	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5400205612684	Agribank	
24	2111863	Trần Nguyễn Ánh Minh	CTK45A	3.09	90	45	Khá	940,000	4,700,000	5400205612518	Agribank	
25	2115239	Trần Văn Nam	CTK45A	3.41	90	45	Giỏi	990,000	4,950,000	5303205180949	Agribank	
26	2112727	Đặng Thị Quỳnh Như	CTK45A	3.92	96	48	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5907205210274	Agribank	
27	2110111	Tôn Thất Khắc Trịch	CTK45A	4.00	87	39	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205612422	Agribank	
28	2115196	Đậu Thị Tiểu Diệp	CTK45B	4.00	85	45	Giỏi	990,000	4,950,000	5404205537670	Agribank	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
29	2115207	Đinh Trọng Hiếu	CTK45B	3.05	80	42	Khá	940,000	4,700,000	5400205612820	Agribank	
30	1914752	Hoàng Thị Phương Thảo	DLK43B	3.60	90	121	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205508810	Agribank	
31	1913199	Trần Huyền Trang	DLK43D	3.60	90	115	Xuất sắc	888,000	4,440,000	4307205222673	Agribank	
32	1913132	Trần Anh Thông	DLK43B	3.60	88	121	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205491962	Agribank	
33	1912698	Lại Thu Hà	DLK43B	3.33	90	118	Giỏi	838,000	4,190,000	5404205433992	Agribank	
34	1914813	Bùi Thanh Ngân	DLK43D	3.33	90	115	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205242770	Agribank	
35	1913077	Nguyễn Hữu Sung	DLK43B	3.33	84	115	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205492000	Agribank	
36	1910618	Nguyễn Thiên Kim	DLK43A	3.23	90	110	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205478840	Agribank	
37	1912843	Đoàn Thị Mỹ Lệ	DLK43A	3.23	90	116	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205504645	Agribank	
38	1910674	Lương Thị Hồng Thắm	DLK43D	3.23	90	113	Giỏi	838,000	4,190,000	5490205311428	Agribank	
39	1912688	Nguyễn Thị Thùy Duyên	DLK43A	3.20	90	118	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205275914	Agribank	
40	1913081	Đinh Tiến Tài	DLK43A	3.20	90	115	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205480576	Agribank	
41	1914869	Huỳnh Thúy Hoài	DLK43A	3.20	90	112	Giỏi	838,000	4,190,000	5412205357489	Agribank	
42	1912941	Cao Thụy Bảo Ngọc	DLK43B	3.20	90	115	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205505914	Agribank	
43	1910695	Lâm Thị Ngọc Trâm	DLK43D	3.20	90	112	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205479258	Agribank	
44	1910693	Đặng Thị Huyền Trâm	DLK43B	3.20	88	115	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205479212	Agribank	
45	1912908	Thân Hồ Nguyệt Minh	DLK43B	3.20	88	118	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205259092	Agribank	
46	1910686	Nguyễn Thị Kim Thư	DLK43B	3.13	88	118	Khá	788,000	3,940,000	5406205367340	Agribank	
47	1913125	Nguyễn Thị Kim Thơ	DLK43B	3.13	88	118	Khá	788,000	3,940,000	5300215061680	Agribank	
48	1912616	Lê Tuyết Băng	DLK43A	3.13	85	112	Khá	788,000	3,940,000	7504205283551	Agribank	
49	1910716	Nguyễn Thị Phương Vàng	DLK43D	3.13	80	112	Khá	788,000	3,940,000	4602205178219	Agribank	
50	1910666	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	DLK43D	3.13	78	115	Khá	788,000	3,940,000	5400205479156	Agribank	
51	1912719	Nguyễn Thị Hằng	DLK43B	3.11	84	106	Khá	788,000	3,940,000	5406205252898	Agribank	
52	1912644	Dương Thị Anh Đào	DLK43A	3.09	88	111	Khá	788,000	3,940,000	5406205240173	Agribank	
53	1912703	Trần Thị Thuý Hà	DLK43C	3.09	88	111	Khá	788,000	3,940,000	5102205084078	Agribank	
54	1912973	Võ Thị Quỳnh Nhi	DLK43B	3.09	81	114	Khá	788,000	3,940,000	5400205495021	Agribank	
55	1912686	Cao Thị Ái Duyên	DLK43D	3.09	80	117	Khá	788,000	3,940,000	5400205491877	Agribank	
56	1910708	Phạm Tuấn Triều	DLK43A	3.08	88	110	Khá	788,000	3,940,000	4504205053599	Agribank	
57	1912622	Nguyễn Thị Kim Bích	DLK43A	3.08	88	116	Khá	788,000	3,940,000	5406205231505	Agribank	
58	1912867	Văn Thị Ngọc Linh	DLK43A	3.08	88	113	Khá	788,000	3,940,000	5400205491411	Agribank	
59	2011588	Trịnh Phan Minh Châu	DLK44A	3.31	91	77	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205271710	Agribank	
60	2011688	Nguyễn Chu Yên Lam	DLK44A	3.42	90	89	Giỏi	838,000	4,190,000	6400205659920	Agribank	
61	2012450	Nguyễn Thị Chúc Ly	DLK44A	3.56	86	80	Giỏi	838,000	4,190,000	5413205126890	Agribank	
62	2011805	Lê Hoàng Tân	DLK44A	3.81	91	80	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205554325	Agribank	
63	2011812	Nguyễn Nhật Thanh Thanh	DLK44A	3.50	89	77	Giỏi	838,000	4,190,000	4900205325279	Agribank	
64	2011915	Kiều Tường Vi	DLK44A	3.56	87	80	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205554020	Agribank	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
65	2011935	Phạm Quốc Vỹ	DLK44A	3.56	85	77	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205481917	Agribank	
66	2011946	Nguyễn Thị Hải Yến	DLK44A	3.44	86	77	Giỏi	838,000	4,190,000	5492205075904	Agribank	
67	2012413	Nguyễn Trường An	DLK44B	3.32	88	86	Giỏi	838,000	4,190,000	6001205197000	Agribank	
68	2011623	Võ Thị Mỹ Duyên	DLK44B	3.50	91	86	Giỏi	838,000	4,190,000	4703205255040	Agribank	
69	2011679	Nguyễn Anh Khoa	DLK44B	3.50	96	80	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205592954	Agribank	
70	2011762	Đào Hạnh Nhung	DLK44B	3.50	88	77	Giỏi	838,000	4,190,000	4610220010190	Agribank	
71	2011870	Phạm Bảo Trân	DLK44B	3.50	89	77	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205251430	Agribank	
72	2014658	Nguyễn Thị Cúc	DLK44C	3.42	92	80	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205565502	Agribank	
73	2014791	Nguyễn Thị Ánh Hồng	DLK44C	3.38	88	74	Giỏi	838,000	4,190,000	5405205327241	Agribank	
74	2014803	Trần Thị Quỳnh Hương	DLK44D	3.32	86	80	Giỏi	838,000	4,190,000	5404205531277	Agribank	
75	2014868	Lê Thị Kim Liên	DLK44D	3.53	90	86	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205562250	Agribank	
76	2015183	Lê Nữ Huyền Trân	DLK44D	3.37	96	77	Giỏi	838,000	4,190,000	4804205231598	Agribank	
77	2116429	Lê Thanh Hoàng	DLK45A	3.35	83	45	Giỏi	838,000	4,190,000	4301205197160	Agribank	
78	2112629	Trần Anh Tài	DLK45B	2.79	80	43	Khá	788,000	3,940,000	7107205447645	Agribank	
79	2116529	Phương Tấn Lộc	DLK45C	3.00	90	48	Khá	788,000	3,940,000	5406205333462	Agribank	
80	2015583	Trần Thị Thanh Trúc	MTK44	3.43	92	75	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205565055	Agribank	
81	2115170	Phạm Lê Thanh Lâm	MTK45	3.12	82	42	Khá	940,000	4,700,000	5400205581413	Agribank	
82	1911764	Lê Thị Tú Anh	KTK43	3.13	90	136	Khá	788,000	3,940,000	5400205491985	Agribank	
83	1911830	Phạm Thị Thanh Nhân	KTK43	3.58	88	136	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205317262	Agribank	
84	1910412	Nguyễn Phương Thanh	KTK43	3.23	88	136	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205483580	Agribank	
85	1911889	Trần Thị Bích Trang	KTK43	3.13	88	133	Khá	788,000	3,940,000	5400205454053	Agribank	
86	1911896	Trịnh Thị Ngọc Tuyền	KTK43	3.26	88	136	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205492840	Agribank	
87	1911903	Phạm Thảo Uyên	KTK43	3.46	88	136	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205568683	Agribank	
88	1911907	Trần Thị Ánh Vân	KTK43	3.65	91	136	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205453905	Agribank	
89	2010915	Đinh Thị Hiền	KTK44A	3.00	82	93	Khá	788,000	3,940,000	5495205091097	Agribank	
90	2010959	Trương Nhật Quang	KTK44A	3.30	88	93	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205554637	Agribank	
91	2013973	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	KTK44A	3.52	80	90	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205564857	Agribank	
92	2013919	Võ Phạm Ngọc Đà	KTK44B	3.00	88	93	Khá	788,000	3,940,000	5402205405630	Agribank	
93	2010937	Vũ Thị Diễm My	KTK44B	3.78	85	93	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205554512	Agribank	
94	2013997	Lê Bá Toàn	KTK44B	3.13	82	90	Khá	788,000	3,940,000	5405205358093	Agribank	
95	2014018	Nguyễn Vi Tiểu Yến	KTK44B	2.87	82	93	Khá	788,000	3,940,000	5405205298693	Agribank	
96	2114391	Mai Thu Hằng	KTK45A	2.94	70	41	Khá	788,000	3,940,000	5404205502017	Agribank	
97	2114408	Vũ Thị Lan Hương	KTK45A	3.00	81	41	Khá	788,000	3,940,000	5400205609174	Agribank	
98	2111517	Đào Nguyễn An Tú	KTK45B	3.57	77	38	Khá	788,000	3,940,000	5404205447128	Agribank	
99	1911496	Nguyễn Thị Ánh Hồng	QTK43A	3.75	93	134	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205493111	Agribank	
100	1911508	Nguyễn Trần Anh Huy	QTK43A	3.38	90	134	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205614588	Agribank	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
101	1911510	Đinh Nguyễn Minh	Huyền	QTK43A	3.63	94	134	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205492660	Agribank
102	1911558	Lê Thị Trà	My	QTK43A	3.75	94	131	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205492653	Agribank
103	1911635	Hoàng Đình	Quân	QTK43A	3.00	86	137	Khá	788,000	3,940,000	5406205233966	Agribank
104	1914742	Đoàn Thị Thu	Trang	QTK43A	3.75	90	137	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5406205245755	Agribank
105	1914746	Lương Trần Hoài	Anh	QTK43B	3.00	83	137	Khá	788,000	3,940,000	5402205268890	Agribank
106	1911429	Nguyễn Văn	Chi	QTK43B	3.00	84	137	Khá	788,000	3,940,000	5406205318049	Agribank
107	1911493	Nguyễn	Hoàn	QTK43B	3.38	86	131	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205317075	Agribank
108	1911529	Nguyễn Ngọc Mỹ	Linh	QTK43B	3.56	87	134	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205492190	Agribank
109	1910367	Vũ Bạch Mộng	Trúc	QTK43B	3.75	88	137	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205483515	Agribank
110	1911467	Nguyễn Thị Hồng	Hà	QTK43C	3.29	82	137	Giỏi	838,000	4,190,000	5490205311819	Agribank
111	1911530	Nguyễn Thị Mộng	Linh	QTK43C	3.29	80	134	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205492618	Agribank
112	1911626	Đỗ Phan Minh	Phương	QTK43C	3.00	78	131	Khá	788,000	3,940,000	5406205367458	Agribank
113	2012167	Võ Nguyễn Quỳnh	Như	QTK44A	3.35	82	86	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205511158	Agribank
114	2010610	Đặng Thị Vân	Anh	QTK44B	3.46	90	92	Giỏi	838,000	4,190,000	5491205410229	Agribank
115	2010623	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	QTK44B	3.52	90	89	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205556416	Agribank
116	2010735	Lê Thị Phương	Nga	QTK44B	3.58	90	92	Giỏi	838,000	4,190,000	4902205102378	Agribank
117	2010739	Hồ Thị Thùy	Ngân	QTK44B	3.00	77	92	Khá	788,000	3,940,000	5402205398490	Agribank
118	2010746	Nguyễn Bảo	Ngọc	QTK44B	3.52	82	89	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205532900	Agribank
119	2010773	Nguyễn Thùy	Nhung	QTK44B	3.39	80	89	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205425577	Agribank
120	2013612	Nguyễn Hồ Vy	Đan	QTK44C	3.39	86	83	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205269470	Agribank
121	2015724	Chế Thị Mỹ	Nhung	QTK44C	3.39	82	83	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205566767	Agribank
122	2013763	Trần Thị Minh	Phương	QTK44C	3.13	84	86	Khá	788,000	3,940,000	5406205271081	Agribank
123	2013819	Đặng Văn	Thoại	QTK44C	3.00	80	89	Khá	788,000	3,940,000	4501205202949	Agribank
124	2013825	Lương Thị Minh	Thư	QTK44C	3.04	76	85	Khá	788,000	3,940,000	5400205562300	Agribank
125	2010626	Phạm Thị Kim	Bình	QTK44CLC	3.45	92	83	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205296018	Agribank
126	2010627	Nguyễn Nhật	Bồn	QTK44CLC	3.00	88	83	Khá	788,000	3,940,000	5400205553476	Agribank
127	2015713	Hồ Thị	Cúc	QTK44CLC	3.04	88	86	Khá	788,000	3,940,000	3408205293382	Agribank
128	2010648	Nguyễn Quỳnh	Duyên	QTK44CLC	3.65	90	86	Xuất sắc	888,000	4,440,000	4910205036560	Agribank
129	2015434	Nguyễn Đức	Dũng	QTK44CLC	3.65	90	86	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205566592	Agribank
130	2010713	Lê Hoàng	Lộc	QTK44CLC	3.39	90	80	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205588487	Agribank
131	2013787	Đỗ Hoàng	Sơn	QTK44CLC	3.17	86	83	Khá	788,000	3,940,000	5400205561610	Agribank
132	2010838	Ngô Thủy	Tiên	QTK44CLC	3.00	82	86	Khá	788,000	3,940,000	5406281013087	Agribank
133	2013839	Lê Thị Quỳnh	Trâm	QTK44CLC	3.26	84	83	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205562483	Agribank
134	2111316	Lê Đức	Thắng	QTK45A	3.00	86	41	Khá	788,000	3,940,000	5500205449572	Agribank
135	2111383	Kiều Thị Nhật	Vy	QTK45A	3.18	80	41	Khá	788,000	3,940,000	5400281004010	Agribank
136	2111158	Hoàng Công Nhật	Anh	QTK45B	3.18	71	41	Khá	788,000	3,940,000	5406281010883	Agribank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
137	2113753	Bùi Thị Kim	Ánh	QTK45B	3.35	90	41	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205608720	Agribank
138	2114027	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	QTK45B	2.94	68	41	Khá	788,000	3,940,000	5400205617511	Agribank
139	2111366	Vàng Ánh	Tuyết	QTK45B	3.00	80	41	Khá	788,000	3,940,000	5400205610013	Agribank
140	2113725	Cân Nhật Lan	Anh	QTK45C	2.82	84	41	Khá	788,000	3,940,000	5406205431094	Agribank
141	2114334	Phạm Thị	Thảo	TCK45	2.93	92	38	Khá	788,000	3,940,000	5012205199381	Agribank
142	2111444	Nguyễn Huỳnh Phi	Yến	TCK45	3.27	88	35	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205608845	Agribank
143	1914907	Trịnh Trần Mỹ	Hạnh	LHK43A	3.81	93	125	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205497975	Agribank
144	1912104	H' Út	Ksrăng	LHK43A	3.67	92	127	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205489189	Agribank
145	1912114	Đặng Thị Mỹ	Lệ	LHK43A	3.74	92	133	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205488090	Agribank
146	1912137	Nguyễn Thị Phương	Loan	LHK43A	4.00	90	123	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5413205112265	Agribank
147	1912153	Lê Minh	Mẫn	LHK43A	3.81	90	129	Xuất sắc	888,000	4,440,000	4810205304016	Agribank
148	1912244	Đinh Hoàng	Phúc	LHK43A	3.81	92	131	Xuất sắc	888,000	4,440,000	3713205115908	Agribank
149	1910503	Nguyễn Ngọc	Sang	LHK43A	3.84	90	133	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205499623	Agribank
150	1910432	Hồ Long	Án	LHK43B	3.83	98	129	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5406205276214	Agribank
151	1912029	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	LHK43B	3.83	98	129	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5203205893706	Agribank
152	1912055	Nguyễn Thị	Hồng	LHK43B	3.67	92	127	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205488220	Agribank
153	1912119	Hứa Thị Mỹ	Liên	LHK43B	3.81	92	127	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205490556	Agribank
154	1912141	Đặng Thiên	Long	LHK43B	3.87	91	125	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5005205193806	Agribank
155	1910475	Trần Thị Kim	Luôn	LHK43B	3.87	91	123	Xuất sắc	888,000	4,440,000	1800259193473	Agribank
156	1912215	Nguyễn Tuyết	Nhi	LHK43B	3.70	92	129	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5406205276033	Agribank
157	1912284	Nguyễn Minh	Sáng	LHK43B	3.70	90	127	Xuất sắc	888,000	4,440,000	4810205307218	Agribank
158	1912290	Đoàn Dũng	Sỹ	LHK43B	3.88	93	127	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5404205438474	Agribank
159	1910543	Nguyễn Thị Hà	Vy	LHK43B	3.81	90	127	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5408205269980	Agribank
160	1912024	Nguyễn Văn	Hậu	LHK43C	3.81	92	125	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205460532	Agribank
161	1912101	Phạm Thị Thúy	Kiều	LHK43C	3.84	88	123	Giỏi	838,000	4,190,000	4501205162003	Agribank
162	1912165	Bo Bo Thị	Mội	LHK43C	3.86	90	127	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205488207	Agribank
163	1910531	Nguyễn Hà	Trang	LHK43C	3.71	90	125	Xuất sắc	888,000	4,440,000	4907205171748	Agribank
164	2012539	Thị By	Át	LHK44A	3.25	92	83	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205313290	Agribank
165	2012262	Điền Thị	Hồng	LHK44A	3.44	80	84	Giỏi	838,000	4,190,000	5617205340476	Agribank
166	2015528	Trần Ngọc Lan	Hương	LHK44A	3.38	87	91	Giỏi	838,000	4,190,000	5408205330938	Agribank
167	2011107	Nguyễn Đắc	Minh	LHK44A	3.39	88	87	Giỏi	838,000	4,190,000	4801205154172	Agribank
168	2014196	Ngô Thị Trà	My	LHK44A	3.28	90	90	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205495130	Agribank
169	2011116	Hoàng Thị Thúy	Ngân	LHK44A	3.44	96	84	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205252505	Agribank
170	2014212	Bùi Trọng	Nghĩa	LHK44A	3.47	90	89	Giỏi	838,000	4,190,000	5491205441688	Agribank
171	2012301	Điền Thị	Thiệp	LHK44A	3.31	80	84	Giỏi	838,000	4,190,000	5617205340453	Agribank
172	2015748	Nguyễn Việt	Trang	LHK44A	3.38	90	78	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205310552	Agribank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
173	2011214	Lý Phi Trường	LHK44A	3.56	90	83	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205553266	Agribank	
174	2011026	Vũ Ngọc Quỳnh Chi	LHK44B	3.39	90	80	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205253254	Agribank	
175	2014075	Vũ Thị Hồng Gấm	LHK44B	3.50	90	80	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205566977	Agribank	
176	2014128	Hoàng Thị Thu Hường	LHK44B	3.22	90	80	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205551412	Agribank	
177	2012281	Nguyễn Phương Ngân	LHK44B	4.00	94	80	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205555617	Agribank	
178	2014388	Lê Nguyễn Nhật Vy	LHK44B	3.44	94	80	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205559828	Agribank	
179	2014029	Thắm Ngọc Anh	LHK44C	3.28	90	82	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205500730	Agribank	
180	2015835	Ngô Danh Công	LHK44C	3.83	96	82	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205588747	Agribank	
181	2014087	Nguyễn Tấn Hải	LHK44C	3.33	90	85	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205560465	Agribank	
182	2015529	Lưu Trọng Hữu	LHK44C	3.67	90	82	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5495205145848	Agribank	
183	2014178	Huỳnh Hữu Lộc	LHK44C	3.28	90	82	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205273709	Agribank	
184	2014205	Nguyễn Thị Thúy Nga	LHK44C	3.22	90	82	Giỏi	838,000	4,190,000	5307205476242	Agribank	
185	2014245	H' Hoa Niê	LHK44C	3.22	90	85	Giỏi	838,000	4,190,000	5209205242240	Agribank	
186	2014368	Lục Thị Hoàng Uy	LHK44C	3.44	90	82	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205566931	Agribank	
187	2111537	Lê Thị Ngọc Anh	LHK45A	3.71	80	40	Giỏi	838,000	4,190,000	5400281004380	Agribank	
188	2111556	Huỳnh Vũ Ái Diễm	LHK45A	3.24	81	40	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205611681	Agribank	
189	2111569	Lê Thị Giang	LHK45A	3.59	82	40	Giỏi	838,000	4,190,000	5406281006069	Agribank	
190	2114912	Nguyễn Hữu Phước	LHK45A	3.21	92	37	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205245522	Agribank	
191	2111672	Hoàng Nguyễn Mỹ Quyên	LHK45A	3.50	83	37	Giỏi	838,000	4,190,000	5405205347022	Agribank	
192	2111541	Tạ Thị Ngọc Anh	LHK45B	3.41	94	40	Giỏi	838,000	4,190,000	4610220021904	Agribank	
193	2114617	Lữ Trung Đệ	LHK45B	3.57	96	37	Giỏi	838,000	4,190,000	7703205137939	Agribank	
194	2114777	Trần Ngọc Khánh Linh	LHK45B	3.13	89	39	Khá	788,000	3,940,000	5400281007264	Agribank	
195	2112910	Phạm Hoài Oanh	LHK45B	3.15	94	43	Khá	788,000	3,940,000	4804205251391	Agribank	
196	2114958	Phạm Trí Tâm	LHK45B	3.71	90	40	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205614230	Agribank	
197	2114987	Đinh Thị Ngọc Thiện	LHK45B	4.00	96	37	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205614390	Agribank	
198	2114588	Trần Lưu Gia Bảo	LHK45C	3.21	81	37	Giỏi	838,000	4,190,000	5406281010890	Agribank	
199	2111584	Huỳnh Gia Bảo Hoài	LHK45C	3.35	80	40	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205617642	Agribank	
200	2111611	Hoàng Thị Mỹ Linh	LHK45C	3.25	92	43	Giỏi	838,000	4,190,000	5412205443602	Agribank	
201	2111691	Nguyễn Thị Quỳnh Thư	LHK45C	3.55	94	43	Giỏi	838,000	4,190,000	4810205373480	Agribank	
202	2111713	Hoàng Kiều Trinh	LHK45C	3.15	80	43	Khá	788,000	3,940,000	5406205325406	Agribank	
203	2111725	Nguyễn Thị Khánh Vy	LHK45C	3.68	87	42	Giỏi	838,000	4,190,000	5495205081688	Agribank	
204	2111605	Lê Minh Kiệt	LHK45D	3.16	82	42	Khá	788,000	3,940,000	4810205373836	Agribank	
205	1914469	Vũ Thị Hải Yến	AVK43A	3.33	86	132	Giỏi	838,000	4,190,000	6200205522100	Agribank	
206	1910990	Trần Ngọc Bảo Khanh	AVK43B	2.83	86	135	Khá	788,000	3,940,000	5400205481923	Agribank	
207	1914362	Lăng Quang Thới	AVK43B	2.80	86	132	Khá	788,000	3,940,000	5404205435091	Agribank	
208	1910958	Hứa Nguyễn Minh Châu	AVK43C	3.50	94	135	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205499226	Agribank	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
209	1911059	Nguyễn Trần Cẩm Uyên	AVK43C	3.20	84	132	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205481759	Agribank	
210	1914176	Nguyễn Thị Thanh Hương	AVK43D	3.20	76	135	Khá	788,000	3,940,000	5400205491066	Agribank	
211	1910994	Đinh Ngọc Khánh Linh	AVK43D	3.25	76	132	Khá	788,000	3,940,000	5400205482007	Agribank	
212	1914269	Nguyễn Kim Hồng Ngọc	AVK43D	2.83	72	138	Khá	788,000	3,940,000	5400205491615	Agribank	
213	1914441	Nguyễn Thị Khánh Vân	AVK43D	3.25	74	127	Khá	788,000	3,940,000	5406205317279	Agribank	
214	1914066	Nguyễn Ngọc An	AVK43E	3.00	79	136	Khá	788,000	3,940,000	5400205491890	Agribank	
215	1910952	Trần Thị Lan Anh	AVK43E	3.00	88	129	Khá	788,000	3,940,000	5400205481952	Agribank	
216	1914155	Nguyễn Thị Thu Hiền	AVK43E	3.00	81	129	Khá	788,000	3,940,000	5400205491100	Agribank	
217	1914140	Nguyễn Châu Gia Hân	AVK43F	2.83	84	138	Khá	788,000	3,940,000	5400205492408	Agribank	
218	1914216	Huỳnh Thị Thu Lài	AVK43F	2.83	83	135	Khá	788,000	3,940,000	5400205491014	Agribank	
219	1914311	Trần Anh Phương	AVK43F	3.20	82	135	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205491174	Agribank	
220	1914351	Đỗ Thị Phương Thảo	AVK43F	2.80	86	136	Khá	788,000	3,940,000	4902205065757	Agribank	
221	1914365	Cil Liêng Thư	AVK43F	3.20	83	135	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205491571	Agribank	
222	1914432	Ngô Thị Hương Uyên	AVK43F	3.43	85	135	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205140184	Agribank	
223	2010062	Nguyễn Hữu Chi An	AVK44A	2.65	80	94	Khá	788,000	3,940,000	5400205553663	Agribank	
224	2010161	Da Gout Juyêl Mi	AVK44A	2.65	87	94	Khá	788,000	3,940,000	5401205066840	Agribank	
225	2010092	Vũ Thị Thùy Dung	AVK44B	2.81	85	97	Khá	788,000	3,940,000	5990205892504	Agribank	
226	2010096	Võ Ngọc Hoàng Giang	AVK44B	2.92	80	97	Khá	788,000	3,940,000	5400205555210	Agribank	
227	2010099	Lê Gia Hân	AVK44B	3.27	85	97	Giỏi	838,000	4,190,000	5490205386013	Agribank	
228	2010113	Nguyễn Công Hoan	AVK44B	2.88	85	97	Khá	788,000	3,940,000	5490205422652	Agribank	
229	2010130	Phạm Bảo Khương	AVK44C	2.62	92	97	Khá	788,000	3,940,000	5400205553742	Agribank	
230	2013130	Trần Thị Thảo	AVK44D	2.96	74	97	Khá	788,000	3,940,000	5404205493574	Agribank	
231	2013023	Võ Văn Dũng	AVK44E	2.65	76	91	Khá	788,000	3,940,000	5400205532634	Agribank	
232	2013107	Cao Mỹ Quyên	AVK44E	2.78	84	94	Khá	788,000	3,940,000	5406205250790	Agribank	
233	2013049	Lê Thị Nhật Huyền	AVK44F	2.87	81	93	Khá	788,000	3,940,000	5400205534363	Agribank	
234	2013072	Đinh Khánh My	AVK44F	3.46	84	97	Giỏi	838,000	4,190,000	5408205278787	Agribank	
235	2113076	Trương Phú Cường	AVK45A	2.83	82	43	Khá	788,000	3,940,000	5406205501444	Agribank	
236	2115459	Cao Nguyễn Hương Linh	AVK45A	3.17	86	43	Khá	788,000	3,940,000	5400205592029	Agribank	
237	2112140	Trần Thị Minh Thư	AVK45A	3.86	90	46	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5495205123142	Agribank	
238	2115661	Mai Anh Tuấn	AVK45A	3.17	81	43	Khá	788,000	3,940,000	5400205619517	Agribank	
239	2115451	Ngô Nguyễn Anh Khoa	AVK45B	3.00	84	46	Khá	788,000	3,940,000	5400205619132	Agribank	
240	2112001	Trương Phúc Lan Anh	AVK45C	3.43	74	46	Khá	788,000	3,940,000	5400205619710	Agribank	
241	2115602	Nguyễn Minh Quý Thi	AVK45C	2.67	69	43	Khá	788,000	3,940,000	5404205494452	Agribank	
242	2115641	Nguyễn Thị Đoan Trang	AVK45D	3.14	85	46	Khá	788,000	3,940,000	4813205427347	Agribank	
243	2112040	Nguyễn Ngân Khanh	AVK45E	2.86	80	46	Khá	788,000	3,940,000	5400205619756	Agribank	
244	2115635	Bùi Ngọc Quỳnh Trang	AVK45E	3.33	84	43	Giỏi	838,000	4,190,000	4709205134278	Agribank	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	DRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
245	2112154	Phạm Hồ Mỹ	Trần	AVK45E	3.71	90	46	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205620177	Agribank
246	2115349	Đỗ Nguyễn Thoại	An	AVK45F	3.29	76	46	Khá	788,000	3,940,000	5400281007110	Agribank
247	2115646	Trương Lê Thùy	Trang	AVK45F	2.71	82	46	Khá	788,000	3,940,000	5400281007229	Agribank
248	2115683	Trần Thị Bích	Vượng	AVK45F	3.00	74	46	Khá	788,000	3,940,000	5400205620892	Agribank
249	2112018	Phan Thị Mỹ	Duyên	AVK45G	3.00	78	46	Khá	788,000	3,940,000	5400205620647	Agribank
250	2112028	Nguyễn Thị Thu	Hằng	AVK45G	2.71	80	46	Khá	788,000	3,940,000	5491205459654	Agribank
251	2112094	Nguyễn Hà Thảo	Nhi	AVK45G	2.71	86	46	Khá	788,000	3,940,000	5400205620936	Agribank
252	1912473	Ka	Hạn	NVK43	3.41	90	126	Giỏi	838,000	4,190,000	5495205137515	Agribank
253	2112452	K'	Hoàn	TQK45	3.50	85	46	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205620761	Agribank
254	2116958	Trần Thị Khánh	Lâm	TQK45	3.50	87	46	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205620017	Agribank
255	2116150	Lâm Ngọc	Liên	TQK45	3.50	90	46	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205619943	Agribank
256	2116155	Lê Hoàng Ngọc	Mỹ	TQK45	2.83	83	46	Khá	788,000	3,940,000	5400205620052	Agribank
257	2116170	Đỗ Thị Thu	Thảo	TQK45	3.00	77	46	Khá	788,000	3,940,000	5400205620886	Agribank
258	2116181	Nông Thụy Tường	Vi	TQK45	3.67	90	46	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5412205438342	Agribank
259	2115738	Ka	Thương	VDK45	3.40	86	40	Giỏi	838,000	4,190,000	5408205327956	Agribank
260	1912455	Vòng Kim	Hằng	VHK43	3.73	90	133	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205568943	Agribank
261	2011499	Cà Thụy Hoài	Thương	CHK44	3.67	98	87	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5400205557194	Agribank
262	1911375	Võ Trần Ngân	Hà	NHK43	3.00	92	140	Khá	788,000	3,940,000	4600220050475	Agribank
263	1910267	Nguyễn Trung	Hiếu	NHK43	3.00	88	137	Khá	788,000	3,940,000	5400205481590	Agribank
264	1911402	Trần Thị Thúy	Vân	NHK43	3.00	86	134	Khá	788,000	3,940,000	4601205106534	Agribank
265	2011505	Bùi Thúy	An	NHK44	3.52	87	93	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205529210	Agribank
266	2011517	Nguyễn Thị Kim Thuận	Hòa	NHK44	2.61	70	87	Khá	788,000	3,940,000	5400205557215	Agribank
267	2011526	Trần Thanh	Nhàn	NHK44	3.04	88	93	Khá	788,000	3,940,000	5400205557209	Agribank
268	2111936	Ka	Dum	TPK45	3.26	80	42	Giỏi	990,000	4,950,000	5408281000717	Agribank
269	2115326	Đỗ Thị	Thúy	TPK45	3.26	80	42	Giỏi	990,000	4,950,000	5402205435262	Agribank
270	1910785	Phạm Thị Thu	Hiền	DPK43HQA	4.00	80	118	Giỏi	838,000	4,190,000	4907205167179	Agribank
271	1910788	Trương Thị Mộng	Hoài	DPK43HQA	4.00	80	118	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205501647	Agribank
272	1914824	Phan Thị Kim	Ngân	DPK43HQA	3.81	78	121	Khá	788,000	3,940,000	5400205443579	Agribank
273	1913925	Võ Thị Mỹ	Tiền	DPK43HQA	3.68	84	118	Giỏi	838,000	4,190,000	4306205426991	Agribank
274	1913967	Hoàng Thị	Tú	DPK43HQA	3.81	78	118	Khá	788,000	3,940,000	5308205114710	Agribank
275	1913540	Võ Thị	Hạnh	DPK43HQB	3.63	86	118	Giỏi	838,000	4,190,000	3705205283014	Agribank
276	1914717	Mai Văn	Hiệu	DPK43HQB	4.00	85	118	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205501551	Agribank
277	1910835	Huỳnh Thị Hương	Nhi	DPK43HQB	4.00	76	118	Khá	788,000	3,940,000	4907205167191	Agribank
278	1913777	Trần Thị Tuyết	Nhung	DPK43HQB	4.00	85	118	Giỏi	838,000	4,190,000	5491205431915	Agribank
279	1913863	Đặng Thị	Thành	DPK43HQB	3.84	82	121	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205238737	Agribank
280	1913923	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	DPK43HQB	3.68	87	121	Giỏi	838,000	4,190,000	3910205147261	Agribank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
281	1910837	Lê Thị Yến	Nhi	DPK43HQC	4.00	80	121	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205481295	Agribank
282	1913875	Nguyễn Phương	Thảo	DPK43HQC	3.68	80	115	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205488502	Agribank
283	1913900	Phạm Anh	Thư	DPK43HQC	4.00	80	121	Giỏi	838,000	4,190,000	5909205176560	Agribank
284	1910898	Vũ Huyền	Trần	DPK43HQC	4.00	86	118	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205485113	Agribank
285	1913659	Trần Thị Mỹ	Linh	DPK43NB	3.37	82	121	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205488446	Agribank
286	1914722	Võ Nguyên	Minh	DPK43NB	3.45	80	124	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205222296	Agribank
287	1913803	Hoàng Kim	Phượng	DPK43NB	3.25	84	124	Giỏi	838,000	4,190,000	5023205174406	Agribank
288	1913807	Bùi Thúy	Phượng	DPK43NB	3.68	83	124	Giỏi	838,000	4,190,000	5491205409315	Agribank
289	1913817	Nguyễn Thị Kiều	Quỳnh	DPK43NB	3.25	80	121	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205490165	Agribank
290	1913829	Lại Như	Quỳnh	DPK43NB	3.37	84	124	Giỏi	838,000	4,190,000	5491205417835	Agribank
291	1914724	Phạm Thị	Thom	DPK43NB	3.21	84	124	Giỏi	838,000	4,190,000	3209205348060	Agribank
292	1913958	Phạm Thị Mỹ	Trinh	DPK43NB	3.05	82	124	Khá	788,000	3,940,000	4308205193690	Agribank
293	1913999	Đào Lưu Nhật	Vy	DPK43NB	3.63	85	124	Giỏi	838,000	4,190,000	2005206232944	Agribank
294	2010387	Võ Thị Thanh	Huyền	DPK44HQA	3.23	89	81	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205480779	Agribank
295	2010396	Hoàng Thị	Lệ	DPK44HQA	3.38	80	81	Giỏi	838,000	4,190,000	5308205129225	Agribank
296	2010412	Đỗ Thị Thu	Luyến	DPK44HQA	3.54	85	87	Giỏi	838,000	4,190,000	4302205297571	Agribank
297	2010422	Lê Thị Trà	My	DPK44HQA	3.69	86	81	Giỏi	838,000	4,190,000	4601205137249	Agribank
298	2010454	Nguyễn Huỳnh Trí	Nguyên	DPK44HQA	3.38	83	81	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205603082	Agribank
299	2010478	Phạm Minh	Phượng	DPK44HQA	3.54	75	81	Khá	788,000	3,940,000	5400205558638	Agribank
300	2012090	Đào Thị Như	Quỳnh	DPK44HQA	3.85	83	81	Giỏi	838,000	4,190,000	5411205137811	Agribank
301	2010549	Trần Ngọc Huyền	Trang	DPK44HQA	3.69	85	78	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205259720	Agribank
302	2013337	Vũ Ngọc Lan	Hương	DPK44HQB	3.31	86	84	Giỏi	838,000	4,190,000	5404205465924	Agribank
303	2015393	Nguyễn Thư	Kỳ	DPK44HQB	3.69	82	84	Giỏi	838,000	4,190,000	4902205118139	Agribank
304	2015400	Nguyễn Hoàng	Ngọc	DPK44HQB	3.85	85	84	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205565350	Agribank
305	2013449	Nguyễn Thị Thu	Sen	DPK44HQB	3.38	87	84	Giỏi	838,000	4,190,000	4508205101989	Agribank
306	2013492	Nguyễn Thị Thu	Thủy	DPK44HQB	3.54	87	81	Giỏi	838,000	4,190,000	5411205138469	Agribank
307	2013508	Lê Ngọc Đoàn	Trang	DPK44HQB	3.31	86	87	Giỏi	838,000	4,190,000	4600205361945	Agribank
308	2013540	Hoàng Bảo Phương	Uyên	DPK44HQB	3.85	84	84	Giỏi	838,000	4,190,000	5402205408303	Agribank
309	2010320	Trương Ngọc	Anh	DPK44NB	3.69	90	90	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205567724	Agribank
310	2010321	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	DPK44NB	3.85	90	90	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205571449	Agribank
311	2010326	Phạm Thanh	Bình	DPK44NB	3.54	76	84	Khá	788,000	3,940,000	5400205558621	Agribank
312	2015388	Phạm Ngọc	Dương	DPK44NB	3.69	69	81	Khá	788,000	3,940,000	2202205353656	Agribank
313	2010439	Huyền Tôn Nữ Quý	Nghi	DPK44NB	3.69	73	84	Khá	788,000	3,940,000	5400205557606	Agribank
314	2115826	Võ Thị Kim	Chung	DPK45HQA	3.80	92	38	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205608375	Agribank
315	2115863	Nguyễn Thị Thu	Hà	DPK45HQA	3.25	82	35	Giỏi	838,000	4,190,000	5606205365778	Agribank
316	2112282	Phạm Thị Thu	Hằng	DPK45HQA	3.40	80	38	Giỏi	838,000	4,190,000	5492205067305	Agribank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
317	2113157	Trần Thị Hoài	Hiệp	DPK45HQA	3.50	85	35	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205457522	Agribank
318	2115904	Trần Thị Hoài	Hương	DPK45HQA	3.25	83	35	Giỏi	838,000	4,190,000	4509205060390	Agribank
319	2116109	Sin Hỷ	Vân	DPK45HQA	3.25	82	35	Giỏi	838,000	4,190,000	5405205348996	Agribank
320	2112258	Nguyễn Thị	Danh	DPK45HQB	3.75	85	35	Giỏi	838,000	4,190,000	5404205500795	Agribank
321	2113156	Phạm Thị Thanh	Hiền	DPK45HQB	3.50	80	35	Giỏi	838,000	4,190,000	6130205273043	Agribank
322	2115928	Đặng Xuân	Linh	DPK45HQB	3.50	86	35	Giỏi	838,000	4,190,000	5408205328370	Agribank
323	2112254	Đỗ Thế Hoàng	Bảo	DPK45NB	3.40	87	38	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205608352	Agribank
324	2115856	Nguyễn Thị Kiều	Giang	DPK45NB	3.40	79	38	Khá	788,000	3,940,000	5405205347760	Agribank
325	1914055	Trần Đức	Tâm	QHK43	3.84	82	124	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205448130	Agribank
326	2010283	Bùi Quang	Huy	QHK44	3.23	79	81	Khá	788,000	3,940,000	5490205366199	Agribank
327	2010285	Nguyễn Phan Nhật	Linh	QHK44	3.23	81	84	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205557585	Agribank
328	2112212	Lê Thị	Đào	QHK45	2.90	90	36	Khá	788,000	3,940,000	5600205359223	Agribank
329	2112244	Hoàng Thị Quỳnh	Uyên	QHK45	2.90	83	36	Khá	788,000	3,940,000	5404205471536	Agribank
330	1910558	Đinh Thị Thanh	Tâm	VNK43	3.50	80	127	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205485011	Agribank
331	2010604	Nguyễn Thị	Viên	VNK44	3.13	80	73	Khá	788,000	3,940,000	4608220029677	Agribank
332	2116196	Lê Thị Cẩm	Tiên	VNK45	3.33	94	34	Giỏi	838,000	4,190,000	4906205126691	Agribank
333	1911283	Lê Thiện	Hoàn	CSK43	3.83	94	116	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5400205455010	Agribank
334	1910188	Nguyễn Đăng	Khoa	CSK43	3.83	94	122	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5405205274700	Agribank
335	1910202	Võ Văn	Nghĩa	CSK43	3.80	100	116	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	4804205173200	Agribank
336	1910204	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	CSK43	3.80	96	119	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5400205456383	Agribank
337	1911338	Trần Ngọc Thủy	Tiên	CSK43	4.00	90	116	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5406281002856	Agribank
338	1911343	Đinh Thị Phương	Trình	CSK43	3.83	94	122	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5400205485851	Agribank
339	1910233	Quang Đức	Tú	CSK43	4.00	94	122	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5405205274650	Agribank
340	1910236	Dương Thị Cẩm	Vân	CSK43	4.00	94	119	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	3910205149425	Agribank
341	2015573	Phan Thị Hoài	Linh	CSK44	3.41	82	77	Giỏi	990,000	4,950,000	5400205564959	Agribank
342	2011276	Trần Hoàng Kim	Ngân	CSK44	3.65	94	83	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5405205297287	Agribank
343	2014418	Bùi Thảo	Nhi	CSK44	3.43	74	83	Khá	940,000	4,700,000	5405205357758	Agribank
344	2014429	Lê Thị Bảo	Trâm	CSK44	3.35	76	80	Khá	940,000	4,700,000	5400205562789	Agribank
345	2111762	Trần Thu	Phương	CSK45	3.65	82	38	Giỏi	990,000	4,950,000	4305205347102	Agribank
346	2111766	Đàm Anh	Son	CSK45	3.47	80	38	Giỏi	990,000	4,950,000	5412205436715	Agribank
347	2115144	Lê Thị	Thu	CSK45	3.35	80	38	Giỏi	990,000	4,950,000	5412205428769	Agribank
348	2111771	Trần Nguyễn Anh	Thư	CSK45	3.59	84	38	Giỏi	990,000	4,950,000	5406205322387	Agribank
349	2015576	Nguyễn Khả	Như	SHK44CLC	3.88	93	80	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5402205398591	Agribank
350	2111777	Nguyễn Thị	Trà	SHK45CLC	3.53	90	38	Giỏi	990,000	4,950,000	2206205388930	Agribank
351	1914489	Lê Văn	Khánh	AVK43SP	3.32	90	137	Giỏi	838,000	4,190,000	5412205368479	Agribank
352	1914491	Lê Khánh	Linh	AVK43SP	3.04	82	139	Khá	788,000	3,940,000	5400205495277	Agribank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	DRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
353	1914494	Trần Thị Hoài	Mi	AVK43SP	3.19	85	137	Khá	788,000	3,940,000	5400205495080	Agribank
354	2010042	Trần Thị Kim	Hiếu	AVK44SPA	3.56	86	101	Giỏi	838,000	4,190,000	4906205119956	Agribank
355	2010056	Mạc Bảo	Trâm	AVK44SPA	3.68	90	100	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205556921	Agribank
356	2011974	Vũ Anh	Tuấn	AVK44SPA	3.20	88	101	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205555160	Agribank
357	2010060	Trần Hoàng	Vân	AVK44SPA	3.59	85	98	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205555153	Agribank
358	2012903	Hoàng Minh Vĩnh	An	AVK44SPB	3.60	92	104	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205539691	Agribank
359	2113683	Ngô Tiểu	Quyên	AVK45SPB	3.71	87	49	Giỏi	838,000	4,190,000	5491205430596	Agribank
360	2112769	Hoàng Thị Hồng	Vân	AVK45SPB	3.86	94	49	Xuất sắc	888,000	4,440,000	6000205652276	Agribank
361	1914524	Phạm Nguyễn Hoàng	Anh	GTK43SP	3.33	90	114	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205494410	Agribank
362	1914561	Nguyễn Thị Khánh	Ly	GTK43SP	3.00	77	114	Khá	788,000	3,940,000	5406205300326	Agribank
363	1914566	Đặng Phan Trà	My	GTK43SP	3.00	77	114	Khá	788,000	3,940,000	5400205583221	Agribank
364	1914568	Bạch Thị Tuyết	Nga	GTK43SP	3.33	94	114	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205494846	Agribank
365	1914569	Trần Thị Kim	Ngân	GTK43SP	3.00	77	114	Khá	788,000	3,940,000	5490205347381	Agribank
366	1911078	Lương Vũ Hải	Nhạn	GTK43SP	3.33	77	114	Khá	788,000	3,940,000	4803205076121	Agribank
367	1914613	Lù Hải	Yến	GTK43SP	3.00	94	112	Khá	788,000	3,940,000	5400205494773	Agribank
368	2011947	Hà Thị Kiều	Anh	GTK44SPA	3.38	92	77	Giỏi	838,000	4,190,000	5404205492542	Agribank
369	2010001	Hứa Thị Thu	Hà	GTK44SPA	3.19	79	77	Khá	783,000	3,940,000	5406205311975	Agribank
370	2015291	Lê Nguyễn Hữu	Hiền	GTK44SPA	3.25	81	77	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205573660	Agribank
371	2012654	Hoàng Ngọc	Loan	GTK44SPA	3.19	92	77	Khá	788,000	3,940,000	5412205379192	Agribank
372	2012750	Phạm Hiền	Thương	GTK44SPA	3.00	81	77	Khá	788,000	3,940,000	5409205122658	Agribank
373	2012589	Nguyễn Ngọc	Anh	GTK44SPB	3.31	82	77	Giỏi	838,000	4,190,000	5490205388763	Agribank
374	2012616	Lê Thị Trà	Giang	GTK44SPB	2.94	80	77	Khá	788,000	3,940,000	5400205616997	Agribank
375	2012651	Lê Thị Mỹ	Linh	GTK44SPB	3.00	83	77	Khá	788,000	3,940,000	5405205363432	Agribank
376	2012715	Ngô Văn	Sáng	GTK44SPB	3.13	72	72	Khá	788,000	3,940,000	4804205240235	Agribank
377	2015736	Ngô Thiên	Trang	GTK44SPB	3.19	76	77	Khá	788,000	3,940,000	1603205657263	Agribank
378	2012786	Hoàng Lê Phi	Yến	GTK44SPB	3.00	74	80	Khá	788,000	3,940,000	5406205252029	Agribank
379	2113276	Hà Kiều	Anh	GTK45SPA	3.50	88	40	Giỏi	838,000	4,190,000	5600281003441	Agribank
380	2113346	Lê Thị Kim	Ngọc	GTK45SPA	3.50	87	40	Giỏi	838,000	4,190,000	5404205467233	Agribank
381	2113388	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	GTK45SPA	3.33	90	40	Giỏi	838,000	4,190,000	4806205137620	Agribank
382	2111039	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	GTK45SPA	4.00	90	40	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5405205303374	Agribank
383	2113286	Nguyễn Thị Hà	Châu	GTK45SPB	3.67	92	40	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5495205170477	Agribank
384	2113290	Lê Hoàng Phương	Diễm	GTK45SPB	3.50	84	40	Giỏi	838,000	4,190,000	4810205379572	Agribank
385	2113395	Trần Thị Ngọc	Trâm	GTK45SPB	3.50	86	40	Giỏi	838,000	4,190,000	5490205399957	Agribank
386	1910167	Đặng Thị Minh	Thư	HHK43SP	3.82	96	129	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5406205190147	Agribank
387	2012844	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Loan	HHK44SP	3.34	86	91	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205564183	Agribank
388	2113477	Hoàng Nguyễn Lan	Anh	HHK45SP	3.88	70	42	Khá	788,000	3,940,000	5491205430652	Agribank

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp SV	ĐTBHT	ĐRL	Số TC Đạt	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số TK	Tên NH	Ghi chú
389	2113513	Nguyễn Thị Như Quỳnh	HHK45SP	3.60	79	45	Khá	788,000	3,940,000	4907205243016	Agribank	
390	2113520	Nguyễn Đặng Minh Thư	HHK45SP	3.88	94	42	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5495281000360	Agribank	
391	1912570	Nguyễn Cao Kỳ	LSK44SP	2.78	74	106	Khá	788,000	3,940,000	5400205494120	Agribank	
392	2113630	Đỗ Sang Thái	LSK45SP	3.53	90	47	Giỏi	838,000	4,190,000	5706205255641	Agribank	
393	2113581	Lê Đức Tuấn	NVK45SP	3.32	90	41	Giỏi	838,000	4,190,000	5402205391399	Agribank	
394	2111125	Vũ Phương Uyên	NVK45SP	3.47	74	41	Khá	788,000	3,940,000	5402281001118	Agribank	
395	1911103	Lâm Uyên Nhi	TNK43SP	3.37	84	124	Giỏi	838,000	4,190,000	4906281002191	Agribank	
396	2011955	Phạm Trí Hưng	TNK44SP	2.82	90	81	Khá	788,000	3,940,000	5400205482990	Agribank	
397	2011956	Nguyễn Liêm Khanh	TNK44SP	3.35	90	81	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205312007	Agribank	
398	2012828	Hồ Thanh Thảo	TNK44SP	3.55	80	81	Giỏi	838,000	4,190,000	4906205075590	Agribank	
399	2010027	Nguyễn Tài Tín	TNK44SP	2.70	88	81	Khá	788,000	3,940,000	5405205331840	Agribank	
400	2113436	Trần Đặng Hải Lộc	TNK45SP	3.13	81	43	Khá	788,000	3,940,000	5400205573756	Agribank	
401	2110019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	TNK45	3.29	84	39	Giỏi	990,000	4,950,000	4304205258068	Agribank	
402	1810036	Lê Nhật Hồng Thiên	HNK42	3.72	87	162	Giỏi	990,000	4,950,000	1890205129750	Agribank	
403	2014518	Cao Lê Ngọc Nam	HNK44	3.21	90	93	Giỏi	990,000	4,950,000	5406205249654	Agribank	
404	1911232	Phạm Hải Đăng	VTK43	3.88	94	138	Xuất sắc	1,040,000	5,200,000	5400205495697	Agribank	
405	2015620	Lê Quang Huy	VTK44	2.58	84	84	Khá	940,000	4,700,000	5412205379207	Agribank	
406	1914927	Nguyễn Thị Hiền	CPK43	3.86	92	121	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5400205499538	Agribank	
407	1913391	Đặng Thị Kim Trinh	CPK43	3.86	92	121	Xuất sắc	888,000	4,440,000	5219205934344	Agribank	
408	2011544	Phan Thị Hằng Mơ	CPK44	3.28	88	81	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205493430	Agribank	
409	2015644	Trần Đức Thuận	CPK44	3.22	90	79	Giỏi	838,000	4,190,000	5406205360210	Agribank	
410	1913421	Nguyễn Thị Kiều Vy	XHK43	3.67	88	108	Giỏi	838,000	4,190,000	5400205487545	Agribank	

Tổng cộng: 1,745,470,000

(Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) *10*

